

CHÍNH SÁCH KINH TẾ NGOẠI RỘNG MÔI CƯỜNG VIỆT NAM TRONG NHIỆU KIẾN HOÀN NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

NGUYỄN VĂN TRÌNH (*)

Chính sách kinh tế ngoại rộng theo các nguyên tắc, công cụ và biện pháp thích hợp coi mọi quan hệ hữu cơ và rộng bao hàm tất cả các mục tiêu và nội dung trong việc phát triển các hoạt động kinh tế ngoại của quốc gia trong tổng thể kinh tế quốc gia. Chính sách kinh tế ngoại bao gồm hệ thống các chính sách nhỏ: chính sách thông mại quốc tế (ngoại thông); chính sách nhập khẩu quốc tế chính sách phát triển các dịch vụ ngoại (du lịch quốc tế giao thông vận tải quốc tế bảo hiểm quốc tế xuất khẩu lao động quốc tế...); chính sách ty giá hối đoái... Mỗi một quốc gia có một chính sách kinh tế ngoại riêng, không thể áp dụng theo một mô hình nào, Việt Nam cũng có những lợi phát triển kinh tế ngoại riêng của mình, dựa trên những quan niệm cơ bản về thể hiện trong các Nghị quyết Hội nghị Đảng và các Nghị quyết của Chính phủ.

Trong nhiều kiến toán của hội nhập kinh tế quốc tế các quốc gia đều phát triển kinh tế ngoại của mình theo hướng mở cửa hội nhập. Việt Nam cũng nắm bắt thời kỳ phát triển kinh tế ngoại theo xu hướng này và lấy làm một tổ chức kinh tế đang dần dần phải tiếp tục duy trì trong thời gian tới.

Quan niệm phát triển kinh tế ngoại rộng môi trường Việt Nam trong thời gian qua

Quan niệm thực hiện chính sách kinh tế ngoại rộng môi trường phát triển qua các kỳ hội nghị Hội nghị Đảng, mà xuất phát điểm là Hội nghị Đảng lần thứ VI năm 1986. Tại Hội nghị Đảng lần VI, trên tinh thần nội dung tổ chức kinh tế cải cách mọi mặt hoạt động của đời sống kinh tế – xã hội, Đảng ta đã khẳng định: “Nhiệm vụ chính của phát triển kinh tế trong chương trình năm tiên quyết là mở rộng sản xuất kinh tế – kỹ thuật và công nghiệp hàng hóa và thương mại của nước ta tiến hành nhanh hay chậm, nhiều hay ít phải tuân theo một phân quan trọng và việc mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế ngoại”⁽¹⁾.

Trên cơ sở tinh thần nội dung Hội nghị VI, Hội nghị VII của Đảng tiếp tục khẳng định những lợi phát triển quan hệ kinh tế ngoại, tuy nhiên, Hội nghị VII đã phát triển quan niệm của Hội nghị VI khi đã chú trọng thực hiện quan hệ kinh tế ngoại rộng môi trường theo hướng mở rộng và nâng cao hiệu quả trên cơ sở và năm bắt phát triển sản xuất nội địa, và đây mới là xuất phát điểm. Trên tinh thần nội dung Hội nghị Đảng lần VII đã viết: “Mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế ngoại. Huy động tiềm năng của nền kinh tế phát huy

(*) PGS.TS., Phó hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật TP.HCM

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Hội nghị Đảng lần VI. t.5. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1987, tr.81

quan niệm này. Hồi sơ khi hoà nhập, tôi do hoà sẽ dần nên phôi sần, thất nghiệp, bất ổn xã hội, bất ổn chính trị, nỗi sống nhân dân lao động sẽ bị khốn khổ... Tuy nhiên, thức tế đã chứng minh quan niệm này còn nhiều hạn chế. Tôi do hoà nhập kinh tế không mang lại những hậu quả kể trên nếu các chính phủ có chính sách khôn khéo, chú ý đến hoà nhập, ngược lại, sẽ mang lại nhiều cho lạm phát, môi trường cạnh tranh sẽ năng cao năng suất lao động, giảm giá thành sản phẩm, người tiêu dùng có thể hưởng lợi từ những hàng hoá và dịch vụ rẻ chất lượng cao, nỗi sống kinh tế – xã hội sẽ tốt đẹp hơn và năng lực. Trung Quốc là một điển hình chứng minh cho quan niệm hoà nhập kinh tế phát triển kinh tế ngoài sẽ giúp nền kinh tế tăng trưởng nhanh và hiệu quả. Trung Quốc với những chính sách đúng đắn, ngay từ khi bắt đầu cải cách (1979) cho nên nay đã trở nên nền kinh tế tăng trưởng rất nhanh và trở thành nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới, sau kinh tế Mỹ.

Hai loại phải xây dựng hệ thống kinh tế môi trường công nghiệp nhập kinh tế quốc tế. Kinh tế ngoài ngoài là cầu nối nền kinh tế trong nước với nền kinh tế thế giới. Vì vậy, nên phát triển kinh tế ngoài ngoài cần quan trọng quan niệm nhất thiết phải coi hệ thống kinh tế môi

Cho nên bây giờ, nền kinh tế Việt Nam cần môi trường nhập nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp, chính vì vậy, muốn nền kinh tế thoát khỏi tình trạng nội tại yếu phát triển nền kinh tế môi trường. Quan niệm này bắt nguồn từ cơ sở lý luận của các học thuyết kinh tế quốc tế cũng như cơ sở thực tiễn phát triển nền kinh tế của các nước trên thế giới, nhất là các nước đang phát triển. Ở các nước này, nguồn lực còn thiếu thốn rất nhiều nhất là về công nghệ, vốn, kinh nghiệm quản lý. nên cần phải mở cửa với nền kinh tế thế giới để tranh thủ các nguồn tài chính ngoài cho phát triển kinh tế trong nước. Kinh nghiệm Việt Nam những năm qua cũng cho thấy việc môi trường phát triển kinh tế ngoài ngoài đã giúp Việt Nam có tốc độ tăng trưởng cao, có nguồn vốn cho nhà đầu tư phát triển, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động, cải thiện và năng cao đời sống nhân

dân lao động hơn so với thời kỳ phát triển nền kinh tế theo hướng nông công của những năm trước đổi mới.

Ba loại là phòng hoạt các quan hệ kinh tế ngoài ngoài trên nguyên tắc bình đẳng, các bên tham gia cùng có lợi.

Quan niệm này dựa trên quan niệm phát triển quan hệ ngoài ngoài chung của Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn luôn sẵn sàng làm bạn, làm đối tác tin cậy với tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế không phân biệt chế độ chính trị, trên cơ sở các quan hệ bình đẳng, lợi ích chung, bình đẳng và hữu nghị. Nó là chủ quyền quốc gia. Quan niệm này nước quan trọng trên hai góc độ là cấp quốc gia và doanh nghiệp. Cấp quốc gia, chính phủ Việt Nam sẽ tăng cường năng lực quan hệ kinh tế ngoài ngoài với tất cả các nước để các quan hệ song phương lẫn đa phương. Trong nội bộ cạnh tranh thức hiện các cam kết của WTO, Chính phủ cần phải tăng cường hợp tác với các nước song phương bằng việc tăng cường năm phần ký kết các hiệp định thương mại, nhà đầu tư song phương với các nước, các nền kinh tế trong khu vực cũng như các nước, vùng lãnh thổ khác trên thế giới. Cấp doanh nghiệp, cần có chính sách thu hút các công ty quốc tế tham gia nhà đầu tư, toàn cầu sản xuất, kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam, nâng cao hiệu quả các doanh nghiệp Việt Nam cần tăng cường năng lực sản xuất kinh doanh của mình, giữ chỗ đứng trong quan hệ mua bán với các bạn hàng nước ngoài. Nâng cao hiệu quả các doanh nghiệp phải luôn tìm kiếm thị trường mới, bạn hàng mới trên cơ sở tăng cường, hữu nghị quan hệ hợp tác, làm ăn mua bán với các bạn hàng, nội tại truyền thống.

Bốn loại là dạng hoạt các hoạt động kinh tế ngoài ngoài trên cơ sở phát triển môi trường các ngành nghề các lĩnh vực có khả năng tham gia vào hoạt động kinh tế ngoài ngoài.

Về kinh tế ngoài ngoài là một lĩnh vực hoạt động phong phú đa dạng, hầu hết các hoạt động của nền kinh tế quốc tế đều có khả năng tham gia hoạt động kinh tế ngoài ngoài, từ các hoạt động kinh tế thông mại, nhà đầu tư, tài chính cho đến các hoạt động du lịch, khoa học, công nghệ giáo

đức, y tế và văn hoá. Hiện nay, nhiều người vẫn còn quan niệm kinh tế ngoài chèo lái hoạt động thông mại, trong thông mại chèo lái hoạt động xuất khẩu, tại nhiều thông mại vẫn lái hoạt động kinh tế ngoài chủ yếu, những cái phải hiểu rằng, bên cạnh hoạt động thông mại quốc tế kinh tế ngoài còn có rất nhiều các hoạt động thuộc các lĩnh vực khác, chủ yếu không chèo lái thông mại.

Năm lại này mình nói một cô chế quản lý kinh tế ngoài theo hướng:

1) Phân biệt chức năng quản lý nhà nước về hoạt động kinh tế ngoài và chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, tránh sự chồng chéo giữa quản lý nhà nước và hoạt động thúc tiến của doanh nghiệp; 2) Môi trường quyền hoạt động sản xuất, kinh doanh ngoài của mỗi doanh nghiệp thuộc tại các các thành phần kinh tế và các nhân trong khuôn khổ luật pháp; 3) Chuyển quản lý nhà nước về kinh tế ngoài từ cơ chế tập trung, mệnh lệnh trở về này sang cơ chế quản lý bằng các công cụ và nền tảng kinh tế và kế hoạch nền hướng, chính sách kinh tế – tài chính và luật pháp. Nhà nước không nên can thiệp trực tiếp vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và nên nắm bắt quyền tối thiểu về mặt cho doanh nghiệp.

Những kết quả của quá trình Việt Nam môi trường quan hệ ngoài và hội nhập kinh tế quốc tế

Tổ chức môi trường, hội nhập quốc tế của Việt Nam nhà nước này và Nhà nước kháng nền và trong thời kỳ Việt Nam nhà tìm mọi cách để môi trường quan hệ thông mại với các nước, tăng cường thu hút nhà tổ nước ngoài, ký kết nhiều hiệp định song phương liên quan đến hội nhập quốc tế của ta.

- Tháng 6/1978 Việt Nam tham gia Hội đồng Tổng trợ Kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa (SEV), tham gia vào nhiều hội quốc tế của SEV và cũng kết hợp tổ chức thành viên của chính quyền Sài Gòn cũ tại Ngân hàng thế giới (WB - World Bank - 1976) và Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF - International Monetary Fund - 1976). Từ tháng 9/1977 Việt Nam nhà trở thành thành viên của Liên hiệp quốc (UN – Union Nations).

- Tháng 10/1993, Việt Nam thiết lập lại mối quan hệ bình thường với IMF, WB, ADB; Hội nghị các nhà tài trợ tại Paris cam kết cho Việt Nam vay vốn ODA khoảng 1,8 tỷ USD trong năm 1994, giải quyết nợ Chính phủ qua Cầu lãi bỏ Paris và nợ tổ nhân qua Cầu lãi bỏ Luân Nôn; thông qua chương trình vay ưu đãi của IMF (1993 vay khoảng 245 triệu và năm 1994 vay khoảng 535 triệu USD).

- Tháng 10/1994, Việt Nam gửi đơn xin gia nhập ASEAN; tháng 12/1994 gửi đơn xin gia nhập WTO. Tháng 01/1995, WTO chính thức nhận đơn xin gia nhập của Việt Nam và tiến hành năm phân cử thế tháng 7/1995, Việt Nam trở thành thành viên của ASEAN, chấp nhận các nguyên tắc, quy định của Tổ chức kinh tế khu vực này. Hiệp hội các nước Đông Nam Á nước thành lập vào ngày 08/8/1967 tại Thái Lan với 5 nước đầu tiên: Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan, ngày 08/01/1984 kết nạp thêm thành viên thứ sáu là Brunei, Việt Nam là thành viên thứ bảy. Sau một phần ba thế kỷ mới ASEAN 5 nhà phát triển thành ASEAN 10 và có vai trò và trí năng càng quan trọng trong công việc quốc tế Việt Nam, với tổ chức thành viên chính thức của ASEAN, ngày càng có vai trò và trí năng trong ASEAN, cũng nhờ nhà có những công góp to lớn với hòa bình và phát triển của khu vực Đông Nam Á.

- Tháng 6/1996, Việt Nam tham gia thành lập Diễn đàn hợp tác Á – Âu (ASEM). ASEM là một diễn đàn đối thoại không chính thức hoạt động theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi và đồng mở mối quan hệ đối tác môi toàn diện giữa Á – Âu vì sự tăng trưởng mạnh mẽ hơn của hai khu vực. Các hoạt động của ASEM dựa trên nền tảng của ba trụ cột chính, nội là đối thoại chính trị, hợp tác kinh tế – tài chính và hợp tác trong các lĩnh vực khác liên quan đến đời sống kinh tế và văn hoá xã hội của cộng đồng người giữa hai châu lục. Quan hệ này nhằm mục tiêu của ta tăng cường các mối liên hệ giữa châu Á và châu Âu để công góp vào sự hòa bình, ổn định và thịnh vượng toàn cầu.

- Ngày 14, tháng 11/1998, Việt Nam nhà chính thức kết nạp và trở thành thành viên APEC.

APEC là diễn đàn kinh tế hàng đầu tiên trong khu vực Châu Á- Thái Bình Dương bao gồm 21 nền kinh tế thành viên, trải ra trên bốn châu lục, đại diện cho hơn 1/3 dân số trên thế giới (khoảng 2,5 tỷ người), trên 50% GDP và khoảng 47% thông mại thế giới. APEC được thành lập nhằm mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong các nền kinh tế thành viên, tăng cường tinh thần cộng đồng và các mối liên hệ trong khu vực vì sự thịnh vượng của nhân dân toàn khu vực. Từ khi thành lập đến nay, APEC đã hợp tác nhằm giảm thuế quan và các hàng rào thông mại khác trong khu vực Châu Á- Thái Bình Dương. APEC cũng đã phân nửa tạo ra một môi trường an toàn và hiệu quả hơn cho việc lưu thông hàng hoá dịch vụ và con người qua các biên giới trong khu vực thông qua các quyết sách cũng như những hoạt động hợp tác kinh tế- kỹ thuật, tạo nên nhiều kiến thức mới cho các nền kinh tế đang phát triển nhằm nâng cao lợi ích từ sự hội nhập này.

- Ngày 13/7/2000, đại diện Chính phủ Hoa Kỳ và Việt Nam ký hiệp định thông mại song phương tạo nên nhiều kiến thức mới về quan hệ kinh tế thông mại giữa hai nước.

Việt Nam đã được kết nạp vào WTO ngày 7/11/2006 và đã chính thức có hiệu lực vào 01/01/2007.

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong gần hai thập niên qua đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong việc môi trường quan hệ kinh tế song phương và đa phương; thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức với trên 170 quốc gia, trong đó có tất cả các nước lớn; xuất hiện thông mại với trên 160 nước và vùng lãnh thổ phát triển quan hệ hàng đầu với hàng trăm nước và vùng lãnh thổ bình thông mại quan hệ với các tổ chức tài chính - tiền tệ quốc tế thu hút được một lượng hàng hoá và đầu tư nước ngoài (kể cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

Tuy nhiên, hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình vừa hội nhập, vừa đấu tranh và cạnh tranh, vừa có nhiều cơ hội, vừa không ít thách thức, do nội cân phải tăng tốc, kinh tế và lĩnh vực trong việc xử lý tính hai mặt của hội nhập nên tạo nên sự chênh lệch và lộ trình hội nhập và phục hồi với trình độ phát triển của các nước, và

nhập ứng được các quy định của các tổ chức quốc tế mà nước ta tham gia ký kết, tranh thủ những ưu đãi dành cho các nước đang phát triển và các nước có nền kinh tế chuyển đổi từ kinh tế tập trung bao cấp sang kinh tế thị trường; kết hợp chặt chẽ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế với yêu cầu giữ vững an ninh quốc phòng, thông qua hội nhập để tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia, nhằm củng cố chủ quyền và an ninh của nước.

Những thuận lợi, khó khăn và giải pháp phát triển môi trường kinh tế ngoài của Việt Nam

1. Những thuận lợi trong phát triển môi trường hoạt động kinh tế ngoài

Việt Nam phát triển và môi trường hoạt động kinh tế ngoài của Việt Nam có những mặt thuận lợi, thể hiện ở những điểm như sau:

Thứ nhất, từ những phân tích về nguồn lực cho phát triển kinh tế ngoài của Việt Nam, chúng ta thấy rằng Việt Nam có những nhiều kiến thức mới trong việc tham gia vào phân công lao động quốc tế thông mại quốc tế thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Thứ hai, nằm trong khu vực phát triển kinh tế đang nổi, Việt Nam có nhiều kiến thức mới về hội nhập vào kinh tế khu vực cũng như trên thế giới. Hiện nay, Việt Nam đã là thành viên chính thức của ASEAN, APEC và WTO.

- *Thứ ba*, trong thời gian qua, Việt Nam thực hiện chính sách mở cửa và đạt được những kết quả quan trọng trong phát triển kinh tế ngoài. Đến nay, Việt Nam đã có mối quan hệ ngoại giao hàng trăm quốc gia trên thế giới, đặc biệt các nước lớn như Mỹ, Nhật, Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung Quốc ... đều có quan hệ bình thông mại với Việt Nam. Đồng thời, Việt Nam đã có quan hệ buôn bán với hàng trăm quốc gia. Đây là những tiền đề cần thiết cho những bước phát triển các hoạt động kinh tế ngoài tiếp theo.

- *Thứ tư*, là nước đang phát triển, vì vậy, nên Việt Nam có nhiều kiến thức mới về kinh nghiệm về phát triển kinh tế của các quốc gia đã trở thành, đặc biệt là các nước trong khu vực như Nhật Bản, Trung Quốc, nước công nghiệp mới (Newly Industrialized Country - NIC)

Châu Âu các nước Đông Âu và Cộng đồng các quốc gia độc lập (CIS)....

- Thời nam, Việt Nam là một quốc gia coi trọng nền chính trị, an ninh quốc phòng, coi trọng lợi phát triển kinh tế nhất quán, chính sách đối ngoại coi môi trường hòa bình kinh tế và một tích cực trong cải cách hành chính quốc gia ... tạo nhiều kiến thuận lợi cho phát triển các hoạt động kinh tế đối ngoại.

2. Những khó khăn mà Việt Nam gặp phải

Tuy có những thuận lợi cơ bản kể trên, những trong quá trình phát triển các hoạt động kinh tế đối ngoại, Việt Nam cũng gặp những khó khăn cần phải vượt qua để phát triển hơn nữa, cụ thể là

Một là các nguồn lực phát triển kinh tế đối ngoại còn hạn chế và gặp khó khăn trong khai thác do thiếu vốn, công nghệ và nhân lực khoa học – kỹ thuật trình độ cao.

Hai là sức cạnh tranh của hàng hoá Việt Nam trên thị trường thế giới còn rất yếu cả về các mặt: Giá cả, phòng thủ, giao hàng, thanh toán, phòng thủ tiếp thị, quảng cáo... Năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam cũng còn yếu. Trình độ công nghệ sản xuất, kinh nghiệm quản lý còn yếu kém, năng lực tại chính của các doanh nghiệp còn yếu... Nhìn chung, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt nam còn yếu so với các doanh nghiệp của các nước trong khu vực và trên thế giới.

Ba là xu hướng tụt do hàng hoá thông mại kém theo xu hướng bảo hộ trong thông mại quốc tế trên thế giới gây sức ép lên các hoạt động kinh tế đối ngoại của Việt Nam, làm cho Việt Nam phải vào môi trường cạnh tranh với các nước trên thế giới, và phải noi theo với các hàng rào bảo hộ tinh vi của các nước và phải xây dựng hàng rào bảo hộ tinh vi hơn cho mình.

Bốn là môi trường kinh tế – tài chính – tiền tệ khu vực và thế giới đang có biểu hiện mất ổn định gây khó khăn cho Việt Nam khi tham gia

vào các hoạt động trên thị trường thế giới, nhất là thị trường tài chính quốc tế

Gôi ỹ những giải pháp cơ bản để xây dựng mạnh phát triển kinh tế đối ngoại rộng rãi trong thời gian tới

Coi trọng nhiều giải pháp để phát triển các hoạt động kinh tế đối ngoại Việt Nam từ phía nhà nước cũng như doanh nghiệp. Cần tập trung vào các giải pháp tổng thể như sau:

Thời nhất, phải tiếp tục đổi mới tổ chức đối ngoại, tổ chức an ninh, tổ chức kinh tế và chú trọng hội nhập kinh tế quốc tế

Thời hai, thực hiện cải cách hành chính theo hướng tinh gọn, có hiệu lực.

Thời ba, hoàn thiện hệ thống luật pháp một cách đồng bộ phù hợp với hệ thống luật pháp và thông lệ quốc tế

Thời tư, tiếp tục đổi mới và hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế đối ngoại.

Thời năm, nâng cấp và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội.

Thời sáu, tích cực nâng cao và nâng cao lại năng lực quản lý và lao động nhất yếu cầu cho phát triển kinh tế đối ngoại trong nhiều kiến hội nhập kinh tế quốc tế

Tổ chức phát triển kinh tế đối ngoại chủ động, rộng rãi trong nhiều kiến hội nhập kinh tế quốc tế trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ và tổ chức xuyên suốt nhất quán trong thời hạn toàn cầu hoá hiện nay. Kiến nền nông nghiệp và chính sách phát triển quan hệ kinh tế đối ngoại rộng rãi. Nâng và Nhà nước cần thực hiện quá trình hội nhập một cách thanh công và nhất nhất một số những thanh tụt nhất định. Tổ chức này nhất thiết sẽ tiếp tục phát triển trong thời gian tới, trong những kiến mới để đưa Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế khu vực và thế giới, nâng cao hơn nữa vị thế của Việt Nam trên thị trường thế giới và khu vực.

